TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày 24 – 4 - 2020 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nữu Ước.

Ông Nguyễn Đình Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin không tham gia phiên tòa: Theo công văn số 266/CV-VKS-DS ngày 23/3/2020.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Bá T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà H với ông Phạm Bá T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/4/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên cờ bạc dẫn đến

nợ nần, bà H đã nhiều lần dùng lời lẻ để khuyên bảo ông T từ bỏ cờ bạc để chăm lo cho gia đình nhưng ông T vẫn không chịu thay đổi mà còn đánh đập, hành hạ bà H và có lời nói đe dọa đến tính mạng của bà H. Do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên từ ngày 28/11/2019 bà H đã bỏ nhà về sống với bố mẹ ruột của mình tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Bá T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H với ông T có hai người con chung là cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh ngày 20/01/2001 hiện nay đang theo học đại học tại thành phố Đà Nẵng và cháu Phạm Bá Ph, sinh ngày 09/12/2003 hiện nay đang ở với ông Phạm Bá T. Sau khi ly hôn bà H đồng ý giao cháu Ph cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi vì hiện nay ông T đã bán nhà và dẫn cháu Ph đi đâu bà H không biết rõ địa chỉ. Đối với cháu Y đã đủ tuổi thành niên muốn ở với ai là quyền của cháu nên bà H không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Bá T sau khi được Tòa án giao nhận thông báo thụ lý vụ án, ông T đã dẫn cháu Ph bỏ đi khỏi địa phương và không cung cấp địa chỉ mới cho Tòa án nên Tòa án tiến hành niêm yết Giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần yêu cầu bà H dẫn cháu Ph đến Tòa án để lấy ý kiến của cháu Ph về nguyên vọng muốn ở với bố hoặc mẹ sau khi ông T và bà H ly hôn với nhau nhưng do ông T đã dẫn cháu Ph đi khỏi địa pH và dấu địa chỉ mới nên Tòa án không lấy được ý kiến của cháu Ph.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà H và ông T sinh sống, xác định tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật theo như lời khai của bà H và việc ông T bán nhà rồi dẫn cháu Ph đi đâu, làm gì địa phương cũng không nắm được địa chỉ mới của ông T. Vì vậy, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với ông Phạm Bá T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Ông Phạm bá T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/4/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chịu lo làm ăn mà hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, rồi vợ chồng sinh ra cải vả xô xát nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, nhưng vợ chồng không tự khắc phục được mà ngày càng căng thẳng hơn, bà H đã bỏ về nhà bố mẹ ruột của mình sống ly thân với ông T. Sau khi bà H nộp đơn khởi kiện Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông T để tham gia tố tụng nhưng ông T không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã có việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H về việc ly hôn với ông Phạm Bá T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà H với ông T có hai người con chung là cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Phạm Bá Ph, sinh ngày 09/12/2003. Đối với cháu Y đã trên 18 tuổi và bà H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Còn đối với cháu Ph là con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án do ông T đã dẫn cháu Ph đi khỏi địa phương và dấu địa chỉ nên Tòa án không lấy được ý kiến của cháu Ph theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hiện nay cháu Ph đang ở với ông T và bà H cũng đồng ý giao cháu Ph cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Phạm Bá Ph cho ông Phạm Bá T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Phạm Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bá Ph, sinh ngày 09/12/2003 cho ông Phạm Bá T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn của bà Hoàng Thị H. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nêu không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0006982 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Phạm Bá T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định